

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ B
TỈNH B**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 163/2021/HS-ST
Ngày 08-10-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ B, TỈNH B

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Văn Thị Thanh Trúc.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thắm.

Ông Lương Thanh Nhân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thủy – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Xuân Hương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 10 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã B, tỉnh B xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 164/2021/TLST-HS ngày 20 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 145/2021/QĐXXST-HS ngày 15 tháng 9 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Trần Hữu S, sinh năm 1993 tại tỉnh A; địa chỉ thường trú: Ấp G, xã T, thị xã T, tỉnh A; chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; trình độ học vấn: 07/12; con ông Trần Văn L, sinh năm 1961 (đã chết) và bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; có 03 chị em, lớn nhất sinh năm 1990, nhỏ nhất sinh năm 1994; có vợ là Nguyễn Thị D, sinh năm 1994 và 02 con, lớn sinh năm 2011, nhỏ sinh năm 2014; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 13/12/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

2. Phan Văn K, sinh năm 1995 tại tỉnh A; địa chỉ thường trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh A; chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Làm thuê; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; trình độ học vấn: 05/12; con ông Phan Văn H, sinh năm 1958 và bà Trần Thị M, sinh năm 1954; có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1980, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ là Nguyễn Hữu H, sinh năm 2000 và 01 con, sinh năm 2018; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 13/12/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

3. **Nguyễn Sa L** sinh năm 1993 tại tỉnh A; địa chỉ thường trú: Ấp Vĩnh T, xã V, huyện A, tỉnh A; chỗ ở trước khi bị bắt: Ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B; nghề nghiệp: Không; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Hòa Hảo; trình độ học vấn: 07/12; con ông Nguyễn Văn H, sinh năm 1969 và bà Bùi Thị Th, sinh năm 1969 (đã chết); có 04 anh chị em, lớn nhất sinh năm 1986, nhỏ nhất là bị cáo; có vợ là Nguyễn Thị Kim N, sinh năm 1993; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an thị xã B từ ngày 13/12/2020; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào lúc 03 giờ ngày **13/12/2020** Đội Cảnh sát Điều tra tội phạm về ma túy Công an thị xã B phối hợp cùng Công an xã A tiến hành kiểm tra phòng số 23, nhà trọ Nthuộc ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B phát hiện trong phòng có mặt Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L lực lượng Công an tiến hành thu giữ một số đồ vật gồm:

- Khu vực trên gác của phòng trọ: 01 (một) bịch nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng ở trên nệm (M1); 02 (hai) bịch nylon miệng kéo dính kích thước 4 x 5,5cm chứa tinh thể màu trắng, bên ngoài có dán băng keo màu xanh ở sát vách tường (M3); ngăn tủ phía trong của tủ thuốc có một hộp nhựa màu trắng bên trong có 17 (mười bảy) bịch nylon miệng kéo dính chứa tinh thể màu trắng, mỗi bịch có kích thước 1,5 x 2cm (M2); bên trong tủ đặt sát vách tường có một hộp nhựa màu đen bên trong có 01 (một) bịch nylon hàn kín kích thước 4 x 1,5cm chứa tinh thể màu trắng (M4).

- 01 (một) cái kéo bằng kim loại; 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo gắn sim số 0877.209.816 của Trần Hữu S; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo gắn sim số 0981.417.059 của Phan Văn K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo gắn sim số 0921.285.915 của Nguyễn Sa L.

Quá trình điều tra, Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L khai nhận: S và L là anh em họ hàng với nhau, K là bạn bè quen biết với L nên cũng quen biết với S và cả ba người đều nghiện ma túy, loại ma túy sử dụng là ma túy đá. Phòng trọ số 23 nhà trọ N do L thuê ở, khoảng tháng 9/2020 S đến ở chung với L. K không tạm trú tại phòng số 23 nhưng thường xuyên đến chơi, ngủ lại nên có đóng tiền phòng trọ chung với S và L.

Khoảng tháng 11/2020, để có tiền tiêu xài và sử dụng ma túy, S rủ L và K bắt đầu mua bán trái phép chất ma túy với cách thức như sau: S tự bỏ tiền ra và liên hệ với một người đàn ông tên V (không rõ nhân thân, lai lịch) mua ma túy.

Sau đó, S đem ma túy về phòng trọ phân ra thành nhiều bịch nhỏ để bán với giá 200.000 đồng hoặc 300.000 đồng/gói, rồi S bỏ những bịch ma túy này vào hộp nhựa màu trắng cất trong tủ thuốc đặt trên gác phòng trọ. Nhiệm vụ của L và K là lấy ma túy S đã phân ra đem bán cho các đối tượng nghiện ma túy và lấy tiền về đưa lại cho S. Sau khi bán hết số ma túy mà S đã mua thì S sẽ cho L và K mỗi người khoảng 500.000 đồng và cho L và K ăn uống, sử dụng ma túy miễn phí.

Với cách thức mua bán ma túy như trên, từ tháng 11/2020 đến ngày 13/12/2020, Phan Văn K và Nguyễn Sa L đã giúp sức cho Trần Hữu S bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện nhưng K và L chỉ nhớ được 03 đối tượng như sau:

1. Phạm Quốc Kh (sinh năm 1999, hộ khẩu thường trú: Ấp B, xã B, huyện L, tỉnh Đ): L và K bán ma túy cho Kh nhiều lần nhưng chỉ nhớ được 03 lần:

Lần 01: Ngày 02/12/2020, tại khu vực Khu công nghiệp V thuộc ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B, K bán cho Kh một bịch ma túy với giá 300.000 đồng.

Lần 02: Ngày 12/12/2020 tại phía trước nhà trọ N, K bán cho Kh một bịch ma túy với giá 200.000 đồng.

Lần 3: Ngày 12/12/2020 tại phòng số 23 nhà trọ N, L bán cho Kh một bịch ma túy với giá 200.000 đồng.

2. Nguyễn Chí H (sinh năm 1993, hộ khẩu thường trú: Ấp P, xã P, huyện A, tỉnh A), K bán ma túy cho H nhiều lần nhưng chỉ nhớ được 01 lần vào ngày 08/12/2020 tại khu vực quán T thuộc ấp L, xã A, thị xã B, tỉnh B, K bán cho H một bịch ma túy với giá 200.000 đồng.

3. Nguyễn Văn H (sinh năm 1986, hộ khẩu thường trú: Khóm L, phường L, thị xã T, tỉnh A), L bán ma túy cho H nhiều lần nhưng chỉ nhớ được 01 lần vào ngày 11/12/2020 tại phòng số 23 nhà trọ N, L bán cho H một bịch ma túy với giá 200.000 đồng.

Số lượng ma túy lực lượng Công an thu giữ tại phòng số 23 nhà trọ N là vào khoảng 19 giờ ngày 11/12/2020, S đang ở khu vực chợ đầu mối T, thành phố H thì gọi điện thoại cho người tên V hỏi mua **5.000.000** đồng ma túy, V nói sẽ giao cho S 04 bịch ma túy nhưng hiện tại chưa có đủ ma túy nên S đến phía trước nhà nghỉ H thuộc thành phố T, thành phố H sẽ có người giao cho S 01 bịch ma túy trước, còn lại 03 bịch ma túy V sẽ liên hệ giao sau. Sau đó, S đến điểm hẹn gặp một người đàn ông (không rõ nhân thân, lai lịch) nhận 01 bịch ma túy, rồi đem về phòng trọ phân ra thành 16 bịch nhỏ bỏ vào hộp nhựa màu trắng cất trong tủ thuốc đặt trên gác để L và K lấy đem đi bán.

Khoảng 16 giờ ngày 12/12/2020, V gọi điện thoại nói cho S biết V bỏ 01 bịch ma túy trong gói thuốc lá hiệu Hero đặt dưới chân cây trụ điện đầu tiên ở ngã ba gần nhà trọ N, S đi ra lấy bịch ma túy đem vào phòng trọ cất giấu vào túi quần treo trong tủ trên gác.

Đến khoảng 20 giờ cùng ngày 12/12/2020, V tiếp tục gọi điện thoại nói cho S biết V bỏ 02 bịch ma túy trong hộp sữa đặt dưới chân cây trụ điện thứ tư ở ngã ba gần nhà trọ N. S đi ra lấy ma túy đem vào phòng trọ mở hộp sữa ra xem thì thấy có 02 bịch ma túy bên ngoài dán băng keo xanh và 01 bịch nhỏ, S cất giấu ma túy vào hộp nhựa màu trắng cất trong tủ thuốc trên gác.

Khoảng 23 giờ cùng ngày 12/12/2020, S lấy bịch ma túy nhận lúc 16 giờ ra phân thành 16 bịch nhỏ rồi bỏ vào hộp nhựa màu trắng cất trong tủ thuốc. Lúc này, trong hộp nhựa còn lại 01 bịch nhỏ phân ngày 11/12/20120 (15 bịch nhỏ L K đã bán và sử dụng hết) và 02 bịch ma túy bên ngoài dán băng keo xanh, 01 bịch nhỏ nhận lúc 20 giờ. S lấy 02 bịch ma túy bên ngoài dán băng keo xanh, 01 bịch nhỏ nhận lúc 20 giờ ra để trên nệm chỗ S nằm ngủ nên trong hộp nhựa còn lại 17 bịch nhỏ. Đến khoảng 03 giờ ngày 13/12/2020, khi S và K đang nằm ngủ trên gác và L nằm ngủ phía dưới phòng trọ thì bị lực lượng Công an kiểm tra phát hiện bắt giữ. Đối với bịch ma túy bên trong hộp nhựa màu đen để trong tủ đặt sát vách tường mà lực lượng Công an thu giữ là do V cho S vào ngày 30/11/2020, nhưng S quên chưa đem ra bán cho các đối tượng nghiện ma túy.

Mục đích S cất giấu số lượng ma túy trên là để L, K bán cho các đối tượng nghiện. L, K biết S mua ma túy về cất giấu trong phòng trọ nhưng không rõ số lượng cụ thể là bao nhiêu và vị trí từng nơi cất giấu. Số tiền thu lợi bất chính từ việc mua bán trái phép chất ma túy của từng người là: S thu lợi 4.100.000 đồng, L thu lợi 1.000.000 đồng, K thu lợi 1.000.000 đồng.

Theo các Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 18 và 25/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B kết luận: Mẫu tinh thể gửi giám định là ma túy, loại Methamphetamine, có khối lượng: M1=0,1833 gam, M2=2,0956 gam, M3=4,3014 gam, M4=1,0408 gam. Mẫu vật sau giám định được niêm phong, khối lượng: M1=0,1063 gam, M2=2,0255 gam, M3=4,1688 gam, M4=0,9211 gam.

Ngày 10/01/2021, Công an thị xã B ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26, 27, 28 đối với Nguyễn Chí H, Nguyễn Văn H và Phạm Quốc Kh về hành vi: “Sử dụng trái phép chất ma túy”, mỗi người với số tiền phạt là 750.000 đồng.

Tại bản Cáo trạng số 165/CT-VKSBC ngày 18/8/2021 của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B truy tố các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn

Sa L về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên toà, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B tham gia phiên toà phát biểu ý kiến: Giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L về tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình S năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Đại diện Viện Kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Trần Hữu S từ 08 năm đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Phan Văn K từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm b, i khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo Nguyễn Sa L từ 07 năm đến 08 năm tù.

- Về biện pháp tư pháp:

Đối với 04 (bốn) Bì thư dán kín số 775(M1)/PC09, số 775(M2)/PC09, số 775(M3)/PC09, số 775(M4)/PC09 được niêm phong có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình S Công an tỉnh B bên trong chứa M1=0,1063 gam, M2=2,0255 gam, M3=4,1688 gam, M4=0,9211 gam, loại Methamphetamine: Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành. Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) cái kéo bằng kim loại; 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) sim số 0877.209.816; 01 (một) sim số 0981.417.059; 01 (một) sim số 0921.285.915: Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo của Trần Hữu S; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo của Phan Văn K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo Nguyễn Sa L: Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình S năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể bị cáo S thu lợi bất chính số tiền 4.100.000 đồng, bị cáo L thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo K thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng: Đây là số tiền thu lợi bất chính. Do đó, căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tổ tụng

hình S năm 2015 cần buộc các bị cáo phải nộp số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước.

Các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Trong quá điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến về quyết định truy tố của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Bến Cát, nội dung bản Cáo trạng số 165/CT-VKS ngày 18/8/2021; Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 18 và 25/12/2020 của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh Bình Dương.

Tại phiên tòa, các bị cáo không đưa ra chứng cứ, tài liệu và lập luận gì để đối đáp với Kiểm sát viên về nội dung luận tội của Kiểm sát viên.

Lời nói sau cùng của các bị cáo trước khi Hội đồng xét xử nghị án: Các bị cáo đã nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, các bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Điều tra Công an thị xã B, tỉnh B, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Những chứng cứ xác định có tội:

Tại phiên tòa, các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L đã thành khẩn khai nhận hành vi mua bán trái phép chất ma túy như nội dung Cáo trạng của Viện Kiểm sát nhân dân thị xã B, tỉnh B đã truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, các tài liệu, chứng cứ thu giữ trong vụ án, biên bản bắt người phạm tội quả tang, thu giữ vật chứng. Hội đồng xét xử có căn cứ kết luận:

Vào lúc 03 giờ ngày 13/12/2020 tại phòng số 23, nhà trọ N thuộc ấp A, xã A, thị xã B, tỉnh B, Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L đã có hành vi cất giấu 21 (hai mươi một) bịch ma túy loại Methamphetamine với tổng khối lượng là 7,6211 gam nhằm mục đích để bán cho các đối tượng nghiện ma túy thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt giữ. Theo đó, các bị cáo khai nhận từ tháng

11/2020 đến ngày 13/12/2020, các bị cáo Phan Văn K và Nguyễn Sa L có hành vi giúp sức cho bị cáo Trần Hữu S bán ma túy cho nhiều đối tượng nghiện ma túy nhưng các bị cáo K và L chỉ nhớ được ba đối tượng mua ma túy là Phạm Quốc Kh, Nguyễn Chí H và Nguyễn Văn H.

Do đó, hành vi mà các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L đã thực hiện đủ yếu tố cấu thành tội: “Mua bán trái phép chất ma túy” theo điểm b, i khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

[3] Về tính chất, mức độ nghiêm trọng của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước đối với các chất ma túy, gây tác hại xấu đến trật tự công cộng và an toàn xã hội. Việc mua, tàng trữ, sử dụng trái phép chất ma túy là nguyên nhân làm phát sinh nhiều tệ nạn xã hội như: Trộm cắp, cướp giật, đặc biệt là nguy cơ L nhiễm căn bệnh HIV/AIDS qua con đường tiêm chích ma túy. Loại ma túy mà các bị cáo mua bán là Methamphetamine, đây là loại độc dược gây nghiện, có nhiều tác hại cho sức khỏe con người. Hiện nay, tệ nạn hút chích ma túy đang là gánh nặng cho gia đình và xã hội, trong khi Nhà nước không ngừng tuyên truyền giáo dục và vận động toàn xã hội ra sức đấu tranh phòng chống tệ nạn ma túy thì vẫn còn những người vì mục đích tư lợi đã lén lút hoạt động tàng trữ, vận chuyển, mua bán trái phép chất ma túy, bất chấp pháp luật và hậu quả gây ra cho xã hội.

Xét tính chất và mức độ phạm tội: Các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn. Bị cáo S là người khởi xướng, rủ rê, hứa hẹn lợi ích để bị cáo L và K bán cho các đối tượng nghiện ma túy và lấy tiền về đưa lại cho bị cáo S. Bị cáo S dùng tiền của bản thân và trực tiếp đi mua ma túy về phân nhỏ cho bị cáo L và K bán cho con nghiện. Bị cáo K và L tích cực tham gia phạm tội. Do đó, mức hình phạt đối với bị cáo S sẽ cao hơn so với bị cáo L và Khang; mức hình phạt đối với bị cáo K và bị cáo L là tương đương nhau.

Về tình tiết định khung hình phạt:

- Tổng khối lượng Methamphetamine bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L đã có hành vi mua bán trái phép là 7,6211 gam. Do đó, hành vi phạm tội của các bị cáo S, K và L vi phạm tình tiết định khung tăng nặng khung hình phạt nên bị xét xử ở khoản 2 Điều 251 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Do đó, các bị cáo thuộc trường hợp được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại

điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Đối chiếu với các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, tính chất mức độ phạm tội cũng như nhân thân của các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy mức hình phạt mà đại diện Viện Kiểm sát đề nghị đối với các bị cáo là phù hợp nên có cơ sở chấp nhận.

[4] Về trách nhiệm dân sự và xử lý vật chứng:

Đối với 04 (bốn) Bì thư dán kín số 775(M1)/PC09, số 775(M2)/PC09, số 775(M3)/PC09, số 775(M4)/PC09 được niêm phong có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình S Công an tỉnh B bên trong chứa M1=0,1063 gam, M2=2,0255 gam, M3=4,1688 gam, M4=0,9211 gam, loại Methamphetamine: Đây là vật thuộc loại Nhà nước cấm tàng trữ và lưu hành. Căn cứ theo điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) cái kéo bằng kim loại; 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) sim số 0877.209.816; 01 (một) sim số 0981.417.059; 01 (một) sim số 0921.285.915: Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu, tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo của bị cáo Trần Hữu S; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo của bị cáo Phan Văn K; 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo bị cáo Nguyễn Sa L: Đây là công cụ, phương tiện dùng vào việc phạm tội. Căn cứ theo điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần phải tịch thu sung ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo, cụ thể bị cáo S thu lợi bất chính số tiền 4.100.000 đồng, bị cáo L thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng, bị cáo K thu lợi bất chính số tiền 1.000.000 đồng: Đây là số tiền thu lợi bất chính. Do đó, căn cứ theo điểm b khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và điểm b khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 cần buộc các bị cáo phải nộp số tiền mà các bị cáo thu lợi bất chính để sung ngân sách Nhà nước.

[5] Đối với người đàn ông tên V (không rõ nhân thân, lai lịch) có hành vi bán ma túy cho bị cáo S: Cơ quan Cảnh sát Điều tra Công an thị xã B tiếp tục xác minh nhân thân, lai lịch để làm rõ và xử lý theo quy định của pháp luật.

[6] Đối với các đối tượng mua ma túy tên Nguyễn Chí H, Nguyễn Văn H và Phạm Quốc Kh: Ngày 10/01/2021, Công an thị xã B ra các Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 26, 27, 28 đối với Nguyễn Chí H, Nguyễn Văn H và Phạm Quốc Kh về hành vi: “Sử dụng trái phép chất ma túy”, theo đó mỗi người

bị xử phạt số tiền phạt là 750.000 đồng. Việc xử phạt vi phạm hành chính này là phù hợp quy định pháp luật.

[7] Về án phí hình sự sơ thẩm: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về trách nhiệm hình sự:

- Tuyên bố các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L phạm tội: “Mua bán trái phép chất ma túy”.

- Căn cứ vào điểm b, i khoản 2 Điều 251 và điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 58 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 đối với các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L.

1.1 Xử phạt bị cáo Trần Hữu S 08 (tám) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/12/2020.

1.2 Xử phạt bị cáo Phan Văn K 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/12/2020.

1.3 Xử phạt bị cáo Nguyễn Sa L 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù được tính từ ngày 13/12/2020.

2. Về biện pháp tư pháp: Căn cứ theo Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

- Tịch thu tiêu hủy: 01 (một) Bì thư dán kín số 775(M1)/PC09 được niêm phong có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B bên trong chứa 0,1063 Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 18/12/2020); 01 (một) Bì thư dán kín số 775(M2)/PC09 được niêm phong có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B bên trong chứa 2,0255 Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 18/12/2020 và Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 25/12/2020); 01 (một) Bì thư dán kín số 775(M3)/PC09 được niêm phong có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B bên trong chứa 4,1688 Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 18/12/2020 và Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 25/12/2020); 01 (một) Bì thư dán kín số 775(M4)/PC09 được niêm phong có hình dấu đỏ của Phòng Kỹ thuật Hình sự Công an tỉnh B bên trong chứa 0,9211 Methamphetamine (theo Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 18/12/2020 và Kết luận giám định số 775/MT-PC09 ngày 25/12/2020); 01 (một) cái kéo bằng kim loại; 02 (hai) bộ dụng cụ sử dụng ma túy; 01 (một) sim số 0877.209.816 (không kiểm tra được số seri); 01 (một) sim số 0981.417.059 (không kiểm tra được số seri); 01 (một) sim số 0921.285.915 (không kiểm tra được số seri);

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước: 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo (màu đỏ đen, không kiểm tra được model, số IMEI của máy, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo (màu nâu, bị vỡ màn hình, không kiểm tra được model, số IMEI của máy, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được); 01 (một) điện thoại di động hiệu Oppo (màu hồng, bị vỡ màn hình, không kiểm tra được model, số IMEI của máy, tại thời điểm giao nhận máy không khởi động được);

- Buộc bị cáo Trần Hữu S nộp số tiền 4.100.000 đồng (bốn triệu một trăm nghìn đồng) để sung ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Nguyễn Sa L nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước;

- Buộc bị cáo Phan Văn K nộp số tiền 1.000.000 đồng (một triệu đồng) để sung ngân sách Nhà nước;

(Vật chứng được thể hiện tại Biên bản giao, nhận vật chứng ngày 14/9/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã B giữa Công an thị xã B và Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Bến Cát).

3. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ vào Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc các bị cáo Trần Hữu S, Phan Văn K và Nguyễn Sa L mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình S sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự năm 2008 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2014)/.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh ;
- Sở Tư pháp tỉnh ;
- VKSND tỉnh B;
- VKSND thị xã B;
- Chi cục THADS thị xã B;
- Công an thị xã B;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Văn Thị Thanh Trúc

